

Số: 1175/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 04 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý IV/2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018 và Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-HĐT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-ĐHNT ngày 05/9/2017 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-ĐHNT ngày 26/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc Ban hành Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập các lớp đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;
Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trường phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 95 sinh viên vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy (Liên thông từ cao đẳng)

TT	Ngành tốt nghiệp	K60 2018 - 2020	K61 2019 - 2021	Cộng
1	Kỹ thuật nhiệt	-	01	01
2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	-	07	07
3	Kỹ thuật xây dựng	03	04	07
4	Công nghệ sinh học	01	-	01
5	Công nghệ thực phẩm	-	19	19
6	Kế toán	01	11	12
7	Quản trị kinh doanh	01	-	01

Ký

B. Đại học chính quy (Liên thông từ trung cấp)

TT	Ngành tốt nghiệp	K60 2018 - 2020	K61 2019 - 2021	K62 2020 - 2022	Cộng
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	-	21	-	21
2	Kỹ thuật điện	-	-	01	01
3	Kỹ thuật xây dựng	01	-	-	01
4	Công nghệ thực phẩm	-	01	-	01

C. Đại học chính quy (Bảng 2)

TT	Ngành tốt nghiệp	K60 2018 - 2020	K61 2019 - 2021	Cộng
1	Ngôn ngữ Anh	02	20	22
2	Kế toán	01	-	01

Điều 2. Trưởng phòng, khoa, viện liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTDH.

HIỆU TRƯỞNG*Trang Sĩ Trung*



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ IV NĂM 2021

Theo Quyết định số 1175 /QĐ-ĐHNT ngày 04 tháng 11 năm 2021

Loại hình đào tạo: Đại học chính quy

A. Đại học chính quy (Liên thông từ cao đẳng)

1. Kỹ thuật nhiệt

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	61180144	Lê Thành Minh	05/04/1994	Hà Tĩnh	Nam	Khá	61D.CNNL	2019-2021

Danh sách có 01 sinh viên

2. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	61180267	Nguyễn Thế Anh	14/12/1994	Hung Yên	Nam	Khá	61D.DDT	2019-2021
2	61180006	Nguyễn Văn Dũng	23/02/1992	Khánh Hòa	Nam	Khá	61D.DDT	2019-2021
3	61180019	Huỳnh Đức Hoài	19/11/1994	Khánh Hòa	Nam	Khá	61D.DDT	2019-2021
4	61180024	Tổng Trần Huy	10/08/1994	Khánh Hòa	Nam	Khá	61D.DDT	2019-2021
5	61180017	Nguyễn Trí Thân	21/01/1996	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61D.DDT	2019-2021
6	61180020	Nguyễn Tiến Minh Thi	11/09/1996	Khánh Hòa	Nam	Khá	61D.DDT	2019-2021
7	61180021	Hồ Văn Trọng	20/03/1994	Khánh Hòa	Nam	Khá	61D.DDT	2019-2021

Danh sách có 07 sinh viên

3. Kỹ thuật xây dựng

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	60180187	Vũ Đình Mên	30/08/1991	Hung Yên	Nam	Trung bình	60D.XD	2018-2020
2	60180192	Nguyễn Trung Thuận	25/07/1994	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	60D.XD	2018-2020
3	60180199	Trương Thanh Tú	23/06/1994	Quảng Nam	Nam	Trung bình	60D.XD	2018-2020
4	61180181	Biên Hữu Dinh	29/05/1997	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	61D.XD	2019-2021
5	61180274	Đình Thiên Hoàng	25/02/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61D.XD	2019-2021
6	61180183	Huỳnh Thanh Hùng	22/07/1992	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61D.XD	2019-2021
7	61180170	Nguyễn Văn Nhì	21/04/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	61D.XD	2019-2021

Danh sách có 07 sinh viên

4. Công nghệ sinh học

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	60180007	Nguyễn Văn Chiến	15/10/1995	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60D.CNSH	2018-2020

Danh sách có 01 sinh viên

5. Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	61180268	Nguyễn Thị Ngọc Anh	07/07/1996	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61D.CNTP	2019-2021
2	61180295	Đào Văn Anh	07/04/1998	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61D.CNTP	2019-2021
3	61180309	Phạm Thị Ngọc Ánh	01/11/1998	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61D.CNTP	2019-2021

Handwritten signature

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
4	61180052	Nguyễn Thị Hiền	10/10/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	61D.CNTP	2019-2021
5	61180068	Huỳnh Quang Hiệp	22/11/1979	Quảng Ngãi	Nam	Khá	61D.CNTP	2019-2021
6	61180289	Nguyễn Thị Minh Hương	18/04/1998	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61D.CNTP	2019-2021
7	61180054	Nguyễn Thị Vân Khánh	29/06/1982	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61D.CNTP	2019-2021
8	61180047	Trần Hạnh Nguyên	25/12/1995	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61D.CNTP	2019-2021
9	61180055	Nguyễn Thị Nguyệt	27/02/1998	Quảng Trị	Nữ	Khá	61D.CNTP	2019-2021
10	61180061	Phan Thị Bích Phương	11/12/1987	Phú Yên	Nữ	Khá	61D.CNTP	2019-2021
11	61180069	Nguyễn Thị Mỹ Son	10/06/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	61D.CNTP	2019-2021
12	61180057	Võ Công Thành	02/03/1998	Bình Định	Nam	Khá	61D.CNTP	2019-2021
13	61180065	Dương Thị Thu Thủy	01/03/1996	Ninh Thuận	Nữ	Khá	61D.CNTP	2019-2021
14	61180050	Võ Thanh Toàn	04/09/1978	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61D.CNTP	2019-2021
15	61180400	Huỳnh Thị Ngọc Trang	17/11/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	61D.CNTP	2019-2021
16	61180053	Nguyễn Lê Quốc Văn	24/08/1978	Khánh Hòa	Nam	Khá	61D.CNTP	2019-2021
17	61180064	Nguyễn Thanh Vân	24/06/1996	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61D.CNTP	2019-2021
18	61180299	Nguyễn Thị Bích Vi	11/05/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	61D.CNTP	2019-2021
19	61180056	Nguyễn Quốc Vương	14/03/1992	Khánh Hòa	Nam	Khá	61D.CNTP	2019-2021

Danh sách có 19 sinh viên

6. Kế toán

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	60180131	Phạm Thị Tuyền	10/10/1992	Quảng Ngãi	Nữ	Trung bình	60D.KT	2018-2020
2	61180106	Trần Tiểu Giang	10/10/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	61D.KT	2019-2021
3	61180412	Nguyễn Thị Kim Hoa	28/05/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	61D.KT	2019-2021
4	61180096	Trần Thị Hoài	21/02/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	61D.KT	2019-2021
5	61180102	Vi Thị Thúy Hương	04/03/1983	Nghệ An	Nữ	Khá	61D.KT	2019-2021
6	61180284	Nguyễn Thị Hồng Mi	11/05/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	61D.KT	2019-2021
7	61180410	Hồ Thị Kim Nhung	10/01/1998	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61D.KT	2019-2021
8	61180296	Phan Lê Thị Kim Quyên	10/02/1990	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	61D.KT	2019-2021
9	61180103	Thái Thị Việt Trinh	21/02/1993	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61D.KT	2019-2021
10	61180411	Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc	29/07/1998	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	61D.KT	2019-2021
11	61180094	Hồ Thúy Vy	11/08/1995	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	61D.KT	2019-2021
12	61180101	Nguyễn Thị Nhật Vy	21/12/1989	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61D.KT	2019-2021

Danh sách có 12 sinh viên

7. Quản trị kinh doanh

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	60180018	Phạm Thị Hương Giang	05/11/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60D.QTKD	2018-2020

Danh sách có 01 sinh viên

Handwritten signature

B. Đại học chính quy (Liên thông từ trung cấp)

1. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	61180035	Nguyễn Đức Bình	22/12/1989	Khánh Hòa	Nam	Khá	61T.DDT	2019-2022
2	61180031	Phạm Thị Thúy Thùy Châu	01/09/1991	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	61T.DDT	2019-2022
3	61180032	Lê Đức Dũng	20/08/1995	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61T.DDT	2019-2022
4	61180300	Nguyễn Ngọc Duy	02/01/1993	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61T.DDT	2019-2022
5	61180531	Nguyễn Văn Hiền	14/05/1979	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61T.DDT	2019-2022
6	61180043	Lê Trung Hiếu	18/06/1995	Khánh Hòa	Nam	Khá	61T.DDT	2019-2022
7	61180040	Nguyễn Trọng Hiếu	06/10/1992	Phú Yên	Nam	Trung bình	61T.DDT	2019-2022
8	61180025	Lê Phạm Xuân Hòa	02/03/1989	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61T.DDT	2019-2022
9	61180526	Võ Huy Hoàng	02/08/1990	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61T.DDT	2019-2022
10	61180037	Đặng Thành Hưng	16/04/1991	Khánh Hòa	Nam	Khá	61T.DDT	2019-2022
11	61180038	Huỳnh Đức Khanh	15/12/1996	Phú Yên	Nam	Trung bình	61T.DDT	2019-2022
12	61180039	Nguyễn Thanh Long	15/08/1980	Bắc Giang	Nam	Khá	61T.DDT	2019-2022
13	61180042	Phạm Văn Lưỡng	08/10/1984	Nam Định	Nam	Trung bình	61T.DDT	2019-2022
14	61180530	Nguyễn Thanh Phong	14/05/1983	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61T.DDT	2019-2022
15	61180305	Nguyễn Hữu Tài	26/10/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61T.DDT	2019-2022
16	61180301	Nguyễn Doãn Thảo	10/09/1983	Hà Tĩnh	Nam	Trung bình	61T.DDT	2019-2022
17	61180529	Nguyễn Văn Thuận	09/09/1983	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61T.DDT	2019-2022
18	61180044	Đoàn Ngọc Trường	15/04/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61T.DDT	2019-2022
19	61180302	Phạm Văn Tuấn	16/06/1987	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61T.DDT	2019-2022
20	61180420	Nguyễn Văn Tuấn	17/09/1983	Nghệ An	Nam	Khá	61T.DDT	2019-2022
21	61180278	Trần Đình Vinh	29/01/1990	Khánh Hòa	Nam	Khá	61T.DDT	2019-2022

Danh sách có 21 sinh viên

2. Kỹ thuật điện

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	62180008	Lê Xuân Hồ	09/09/1987	Khánh Hòa	Nam	Khá	62T.KTD	2020-2022

Danh sách có 01 sinh viên

3. Kỹ thuật xây dựng

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	60180240	Trần Quốc Quỳnh	24/04/1996	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	60T.CNXD	2018-2021

Danh sách có 01 sinh viên

4. Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	61180071	Đào Thị Thắm	06/08/85	Hà Tĩnh	Nữ	Khá	61T.CNTP	2019-2022

Danh sách có 01 sinh viên

Ấn

C. Đại học chính quy (Bảng 2)

1. Ngôn ngữ Anh

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	60180047	Trần Quang Huy	21/07/1994	Khánh Hòa	Nam	Khá	60B.NNA	2018-2020
2	60180160	Võ Thị Thu Ngân	04/01/1995	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60B.NNA	2018-2020
3	61180264	Lê Ngọc Cấn	20/10/1976	Phú Yên	Nam	Khá	61B.NNA-1	2019-2021
4	61180265	Nguyễn Thị Thúy Hằng	18/02/1992	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61B.NNA-1	2019-2021
5	61180221	Hoàng Bá Hiệp	26/08/1994	Quảng Trị	Nam	Khá	61B.NNA-1	2019-2021
6	61180205	Trương Phi Hồ	29/06/1990	Cà Mau	Nam	Khá	61B.NNA-1	2019-2021
7	61180402	Lê Quang Hòa	05/01/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61B.NNA-1	2019-2021
8	61180229	Hồ Trần Ngọc Hoan	27/09/1996	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	61B.NNA-1	2019-2021
9	61180213	Lê Thị Hồng	06/08/1991	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61B.NNA-1	2019-2021
10	61180208	Nguyễn Thị Thùy Hương	03/09/1972	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61B.NNA-1	2019-2021
11	61180417	Phạm Thị Thúy Kiều	28/07/1987	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	61B.NNA-1	2019-2021
12	61180297	Nguyễn Kim Liên	15/01/1993	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61B.NNA-1	2019-2021
13	61180298	Nguyễn Thị Nhung	25/09/1990	Hà Nội	Nữ	Trung bình	61B.NNA-1	2019-2021
14	61180228	Lê Thị Phong	12/03/1978	Vĩnh Phúc	Nữ	Giỏi	61B.NNA-1	2019-2021
15	61180215	Bùi Quang Lam Phương	28/10/1993	Khánh Hòa	Nam	Khá	61B.NNA-1	2019-2021
16	61180211	Thái Thị Phương Thảo	15/05/1980	Nam Định	Nữ	Khá	61B.NNA-1	2019-2021
17	61180209	Trần Thị Diễm Thất	14/02/1992	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61B.NNA-1	2019-2021
18	61180231	Phạm Đức Thọ	12/11/1996	Bắc Giang	Nam	Khá	61B.NNA-1	2019-2021
19	61180408	Nguyễn Văn Trường	02/04/1997	Bình Định	Nam	Khá	61B.NNA-1	2019-2021
20	61180224	Trần Thị Tuyết	20/05/1988	Thái Bình	Nữ	Khá	61B.NNA-1	2019-2021
21	61180262	Nguyễn Thị Thanh Xuân	10/09/1987	Ninh Bình	Nữ	Giỏi	61B.NNA-1	2019-2021
22	61180431	Nguyễn Thị Lan	10/12/1979	Thanh Hóa	Nữ	Khá	61B.NNA-2	2019-2021

Danh sách có 22 sinh viên

2. Kế toán

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	60180231	Vũ Thị Thúy	16/06/1991	Hưng Yên	Nữ	Trung bình	60B.KT	2018-2020

Danh sách có 01 sinh viên

Handwritten signature